

**BÁO CÁO**

**V/v rà soát các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp trên địa bàn huyện Kbang**

Thực hiện Công văn số 1286/SNNPTNT-CCKL ngày 12/6/2019 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Gia Lai Về việc tiếp tục rà soát các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân huyện Kbang rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả như sau:

**1. Các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp**

Tổng dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp trên địa bàn huyện: 12 dự án, tổng diện tích 32,31 ha; trong đó:

- Nhóm dự án quốc phòng an ninh: có 01 dự án, diện tích 0,05 ha;
- Nhóm dự án công trình công cộng, an sinh xã hội có: 10 dự án, diện tích 14,83 ha;
- Nhóm dự án thủy điện, thủy lợi có: 02 dự án, diện tích 17,43 ha.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

**2. Các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang mục đích khác đã được UBND tỉnh thống nhất, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT**

**2.1. Dự án không triển khai thực hiện: có 09 dự án, cụ thể:**

- Các dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1328a/QĐ-UBND ngày 12/11/2011 của UBND tỉnh Gia Lai, gồm có 7 dự án: Trạm Kiểm lâm Đak Hla; Đường và trạm Kiểm lâm Đak Hla; Trạm Kiểm lâm Bãi cháy; Đường vào trạm Kiểm lâm Bãi cháy; Đường bao vườn thực vật; Đường trục vườn thực vật; Đường tuần tra bảo vệ rừng. Tại quyết định số 890/QĐ-UBND có 02 dự án: Trạm Kiểm lâm Trại dâm; Đường vào Trạm Kiểm lâm Trại dâm.

Các dự án này nằm trên lâm phần Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, địa giới hành chính xã Sơn Lang, Đak Rong huyện Kbang, sẽ được tổ chức thực hiện vào năm 2019-2020. Nhưng đơn vị không chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và mục đích sử dụng đất

- Nguyên nhân không thực hiện dự án: Đơn vị thực hiện theo Thông tư số 27 năm 2018 của Bộ TNMT, và Luật lâm nghiệp năm 2017, quy định những công trình phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng được thống kê, kiểm kê là đất lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo rà soát các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp trên địa bàn huyện để Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Gia Lai, Chi cục Kiểm lâm tỉnh nắm được, tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy;
- TT UBND huyện;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi Cục kiểm lâm tỉnh;
- Lưu: VT, VP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Xuân Trường





**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP HUYỆN KÔNG**  
(Kèm theo Báo cáo số 265 /BC-UBND ngày 28 /6 /2019 của UBND huyện Kbang)

| STT | Tên dự án                                                                                | QĐ phê duyệt DA<br>(số, ngày, tháng) | Tổng diện tích DA | DT chuyển MĐSD chia theo loại rừng (ha) |               |            |                  | DT chuyển MĐSD rừng theo chức năng(ha) |          |          | Thời gian thực hiện |          | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------|---------------|------------|------------------|----------------------------------------|----------|----------|---------------------|----------|---------|
|     |                                                                                          |                                      |                   | Tổng DT chuyển đổi                      | Rừng tự nhiên | Rừng trồng | Đất chưa có rừng | Đặc dụng                               | Phòng hộ | Sản xuất | Bắt đầu             | Kết thúc |         |
| I   | Nhóm dự án quốc phòng an ninh                                                            |                                      | 0,05              | 0,05                                    |               | 0,05       |                  |                                        | 0,05     |          |                     |          |         |
| 1   | Trạm nghỉ, phòng làm việc của đội an ninh công an Huyện Kbang tại xã Sơn Lang            |                                      | 0,05              | 0,05                                    |               | 0,05       |                  |                                        | 0,05     |          | 2019                | 2020     |         |
| II  | Nhóm dự án công trình công cộng, an sinh xã hội                                          |                                      | 14,83             | 14,83                                   | 5,33          | 0,20       | 9,3              |                                        |          | 14,83    |                     |          |         |
| 1   | Bãi xử lý rác thải sinh hoạt trung tâm xã Sơn Lang                                       | 1644/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 1,50              | 1,50                                    | 1,30          | 0,20       |                  |                                        |          | 1,50     |                     |          |         |
| 2   | Bãi xử lý rác thải sinh hoạt khu vực thôn Trăm Lập, thôn 4 và làng Điện Biên xã Sơn Lang | 1644/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 2,03              | 2,03                                    | 2,03          |            |                  |                                        |          | 2,03     | 2019                | 2020     |         |
| 3   | Bãi xử lý rác thải sinh hoạt tập trung của xã Kông Long Khong                            | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 1,00              | 1,00                                    |               |            | 1,00             |                                        |          | 1,00     | 2019                | 2020     |         |
| 4   | Nghĩa trang nhân dân thôn Trăm Lập, thôn 4 và làng Điện biên xã Sơn Lang                 | 1644/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 2,00              | 2,00                                    | 2,00          |            |                  |                                        |          | 2,00     | 2019                | 2020     |         |
| 5   | Nghĩa trang nhân dân làng Kdâu xã Kông Long Khong                                        | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 1,80              | 1,80                                    |               |            | 1,80             |                                        |          | 1,80     | 2019                | 2020     |         |
| 6   | Nghĩa trang nhân dân thôn Hbang xã Kông Long Khong                                       | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 1,50              | 1,50                                    |               |            | 1,50             |                                        |          | 1,50     | 2019                | 2020     |         |
| 7   | Nghĩa trang nhân dân làng Chư pâu xã Kông Long Khong                                     | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 1,20              | 1,20                                    |               |            | 1,20             |                                        |          | 1,20     | 2019                | 2020     |         |
| 8   | Nghĩa trang nhân dân làng Mơ Hven xã Kông Long Khong                                     | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 0,80              | 0,80                                    |               |            | 0,80             |                                        |          | 0,80     | 2019                | 2020     |         |
| 9   | Nghĩa trang nhân dân làng trung tâm xã xã Kông Long Khong                                | 1649/QĐ-UBND về quy hoạch NTM        | 3,00              | 3,00                                    |               |            | 3,00             |                                        |          | 3,00     | 2019                | 2020     |         |
| IV  | Nhóm dự án thủy điện, thủy lợi                                                           |                                      | 17,43             | 17,43                                   | 15,43         |            | 2,00             |                                        | 15,39    | 2,04     |                     |          |         |
| 1   | Dường dây tải điện 22kv thuộc công trình Thủy điện Đắk Ple                               | 06/QĐ-UBND 14/01/2008                | 2,04              | 2,04                                    | 0,04          |            | 2,00             |                                        |          | 2,04     | 2019                | 2020     |         |

*(Handwritten signature)*

|            |                         |                          |       |       |       |      |      |  |       |       |      |      |                             |
|------------|-------------------------|--------------------------|-------|-------|-------|------|------|--|-------|-------|------|------|-----------------------------|
| 2          | Thủy lợi Diang xã Lơ Ku | 175/QĐ-UBND<br>09/3/2017 | 15,39 | 15,39 | 15,39 |      |      |  | 15,39 |       | 2019 | 2020 | Đất<br>BQLF<br>PH xã<br>Nam |
| Tổng cộng: |                         |                          | 32,31 | 32,31 | 20,76 | 0,25 | 11,3 |  | 15,39 | 17,16 |      |      |                             |

*Handwritten signature*